

**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PN FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107933471

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà B10, B11, B12 ngõ 57 đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772     |
| 2.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                              | 4711     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                 | 4690     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                              | 8299     |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại                                                                        | 4719     |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                           | 5630     |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn , hàng ăn uống                                                                                    | 5610     |
| 8.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                   | 5510     |
| 9.  | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                      | 4631     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                     | 4610     |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Hoạt động kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch           | 7920     |
| 12. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4724     |

|     |                                                                                                                                    |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4722         |
| 14. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí<br>Chi tiết: dịch vụ thể thao (sân tennis, bể bơi, thể dục thể ỉnh, thể dục thẩm mỹ) | 7721         |
| 15. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc l  <br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá n  i, thuốc l                                        | 4634         |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4721         |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4723         |
| 18. | S  n xuất hoá chất cơ bản                                                                                                          | 2011         |
| 19. | Cho thuê xe c   động cơ<br>Chi tiết: Dịch vụ cho thuê    t                                                                         | 7710         |
| 20. | X  y dựng công tr  nh kỹ thuật dân dụng kh  c<br>Chi tiết: X  y dựng công tr  nh dân dụng, công nghiệp                             | 4290         |
| 21. | V  n t  i h  nh kh  ch đường bộ kh  c<br>Chi tiết: V  n chuyển h  nh kh  ch                                                        | 4932         |
| 22. | B  n buôn đồ d  ng kh  c cho gia đ  nh<br>Chi tiết: B  n buôn nước hoa, h  ng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                          | 4649         |
| 23. | S  n xuất mỹ phẩm, x   phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                           | 2023         |
| 24. | B  n buôn thực phẩm                                                                                                                | 4632(Ch  nh) |
| 25. | Ho  t động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Ho  t động trang tr  i n  i th  t (không bao gồm thiết kế công tr  nh)                | 7410         |

**6. V  n điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh s  ch th  nh vi  n g  p v  n:

| STT | T  n th  nh vi  n       | N  i d  ng ký hộ khẩu thường trú đ  i v  i c   nh  n; địa chỉ trụ sở ch  nh đ  i v  i t   chức             | Giá trị v  n g  p (VN  ) | Tỷ lệ (%) | S   CMND (hoặc chứng thực c   nh  n hợp pháp kh  c) đ  i v  i c   nh  n; Mã số doanh nghiệp đ  i v  i doanh nghiệp; S   Quyết định th  nh lập đ  i v  i t   chức | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | V   PHONG               | S   67, Tập thể Máy Đ  n Chương Dương, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Th  nh phố H   N  i, Vi  t Nam | 900.000.000              | 90,000    | 011815466                                                                                                                                                        |         |
| 2   | NGUY  N TH   H  NG NG   | S   8B L   Tr  c , Phường Điện Biên, Quận Ba Đ  nh, Th  nh phố H   N  i, Vi  t Nam                         | 100.000.000              | 10,000    | 001172001336                                                                                                                                                     |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/06/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001172001336

Ngày cấp: 11/07/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8B Lê Trực , Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 22/150 Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội